TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày: 11-5-2017
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Hồng Thu.
2. Ông Huỳnh Minh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức-Kiểm sát viên.

Trong ngày 11-5-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 14/2018/TLST-DS ngày 06-02-2018, về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐST-DS ngày 19-4-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-DS ngày 03-5-2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty NVT; Địa chỉ trụ sở: Đường Đ, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Q; Sinh năm: 1961; Địa chỉ cư trú: Đường L, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền số 14/UQTA-QTRR.17 ngày 22-3-2017 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty NVT và Văn bản ủy quyền số 400/UQTA-QTRR.17 ngày 18-01-2018 của Trưởng Phòng thu hồi nợ pháp lý-Trung tâm thu hồi nợ-Khối quản trị rủi ro-Công ty NVT). (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T; Sinh năm: 1976; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 23-01-2018, Bản tự khai ngày 29-3-2018 và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 07-5-2018, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau: Vào ngày 04-9-2015, bà Lê Thị T có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150905-112030-0010 với Công ty NVT vay số tiền gốc là 32.480.289 đồng với lãi suất là 4,59%/tháng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà T có trách nhiệm thanh

toán cho Công ty NVT nợ gốc và tiền lãi với số tiền là 49.368.000 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 19 tháng, 18 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền là 2.599.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.586.000 đồng, thanh toán vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu thanh toán từ ngày 08-10-2015. Sau khi vay tiền, bà T đã thực hiện việc thanh toán cho Công ty NVT 13 lần với tổng số tiền là 27.490.000 đồng. Kể từ ngày 21-9-2017, bà T không thanh toán thêm cho Công ty NVT khoản tiền nào. Đến nay, bà T còn nợ Công ty NVT khoản nợ gốc là 15.354.332 đồng và tiền lãi là 6.523.668 đồng, tổng cộng là 21.878.000 đồng. Nay Công ty NVT yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị T thanh toán cho Công ty NVT khoản nợ gốc và tiền lãi là 21.878.000 đồng.

* Theo Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 05-3-2018, bị đơn Lê Thị T trình bày như sau: Bà Lê Thị T thống nhất với phần trình bày của đại diện nguyên đơn về thời gian ký kết hợp đồng tín dụng, khoản nợ vay, thời hạn vay, lãi suất tiền vay, diễn biến thanh toán nợ của bà T. Bà T xác định còn nợ Công ty NVT khoản nợ gốc là 15.354.332 đồng và tiền lãi là 6.523.668 đồng, tổng cộng là 21.878.000 đồng. Nay bà T thống nhất trả cho Công ty NVT số tiền là 21.878.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng là 400.000 đồng và xin giảm một phần tiền lãi.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham dự phiên tòa là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty NVT, xử buộc bà Lê Thị T thanh toán cho Công ty NVT khoản nợ gốc là 15.354.332 đồng và tiền lãi là 6.523.668 đồng, tổng cộng là 21.878.000 đồng và buộc bà Lê Thị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 23-01-2018, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề nhận được đơn khởi kiện của Công ty NVT lập ngày 23-01-2018 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của Công ty NVT và thụ lý vụ án theo đúng quy định tại các điều 191 và 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 23-01-2018, Công ty NVT yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Lê Thị T có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty NVT có Đơn đề nghị xét xử vắng ngày 07-5-2018 gửi đến Tòa án qua đường dịch vụ bưu chính ngày 09-5-2018 và bị đơn Lê Thị T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty NVT đòi bị đơn Lê Thị T thanh toán khoản nợ vay gốc và tiền lãi là 21.878.000 đồng: Theo người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty NVT và bị đơn Lê Thị T đều xác định, vào ngày 04-9-2015, bà Lê Thị T có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150905-112030-0010 vay số tiền gốc là 32.480.289 đồng với lãi suất là 4,59%/tháng, bà T có trách nhiệm trả cho Công ty NVT nợ gốc và tiền lãi với số tiền là 49.368.000 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 19 tháng. Sau khi vay tiền, bà T đã trả cho Công ty NVT 13 lần với tổng số tiền là 27.490.000 đồng, còn nợ lại khoản nợ gốc là 15.354.332 đồng và tiền lãi là 6.523.668 đồng, tổng cộng là 21.878.000 đồng, Công ty NVT đã đòi nợ nhiều lần, đến nay mặc dù đã quá hạn trả nợ nhưng bà T chưa hoàn trả cho Công ty NVT. Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, việc bà T ký kết hợp đồng tín dụng ngày 04-9-2015 vay của Công ty NVT số tiền là 32.480.289 đồng và hiện nay bà T còn nợ Công ty NVT khoản nợ gốc là 15.354.332 đồng và tiền lãi là 6.523.668 đồng là có thật. Xét khi các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng giữa bà Lê Thị T và Công ty NVT có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng. Theo hợp đồng tín dụng giữa Công ty NVT và bà T thỏa thuận lãi suất là 4,59%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, yêu cầu của Công ty NVT đòi bà Lê Thị T hoàn trả khoản nợ gốc là 15.354.332 đồng và tiền lãi là 6.523.668 đồng, tổng cộng là 21.878.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về đề nghị của bà T xin trả dần khoản nợ đã vay cho Công ty NVT và xin Công ty NVT giảm tiền lãi, nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty

NVT không đồng ý. Xét đề nghị này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Lê Thị T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.093.900 đồng (21.878.000 đồng x 5% = 1.093.900 đồng).

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty NVT. Xử buộc bà Lê Thị T thanh toán cho Công ty NVT khoản nợ gốc với số tiền là 15.354.332 đồng và tiền lãi là 6.523.668 đồng, tổng cộng là 21.878.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.093.900 đồng (Một triệu, không trăm chín mươi ba ngàn, chín trăm đồng). Công ty NVT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty NVT số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 546.950 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu ngàn, chín trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009501 ngày 06-02-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản nợ gốc, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho các đương sự.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ